

Bản án số: 12/2019/DS-ST
Ngày 26/3/2019
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Đức

Bà Hà Thị Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 221/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Kim T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà T:*

Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Võ Thị Thu T2, sinh năm 1973 (văng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2018, tại biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Huỳnh Minh T1 (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Kim T) trình bày:

Nguyên trước đây bà Huỳnh Kim T có bán lưới ngư cụ cho ông Nguyễn Văn C, việc mua bán giữa hai bên không có lập hợp đồng mà chỉ giao kết miệng rồi ghi vào sổ, giá trị mua bán bao nhiêu thì hiện nay bà T cũng không nhớ rõ vì ông C mua nhiều lần và trả tiền chưa dứt mỗi lần mua. Tuy nhiên, hiện nay ông C còn thiếu lại tiền mua lưới ngư cụ của bà T là 75.729.000đ (bảy mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn đồng) nên ông C có làm giấy xác nhận nợ với bà T vào ngày 22/10/2018. Việc bán lưới ngư cụ của T với ông C thì bà Võ Thị Thu T2 là vợ ông C cũng biết, còn việc ông C với bà T2 cưới nhau năm nào và có đăng ký kết hôn hay không thì bà T không biết, nhưng hiện nay ông C với bà T2 vẫn còn sống chung làm kinh tế chung. Do đó, nay bà T yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Võ Thị Thu T2 phải liên đới trả cho bà T số tiền mua lưới ngư cụ còn thiếu là 75.729.000đ (bảy mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn đồng). Ngoài ra, bà T không yêu cầu gì thêm .

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày như sau:

Ông thừa nhận lúc trước có mua lưới ngư cụ của bà Huỳnh Kim T nhiều lần, việc mua bán cũng chỉ nói miệng rồi nhận hàng, giao tiền và hiện nay ông vẫn còn thiếu lại bà T số tiền mua lưới ngư cụ là 75.729.000đ (bảy mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn đồng). Đến ngày 22/10/2018 thì ông mới lập giấy xác nhận nợ với bà T. Ông và bà Võ Thị Thu T2 cưới nhau cách nay hơn 20 năm, nhưng không có đăng ký kết hôn. Hiện nay ông và bà T2 vẫn còn sống chung làm kinh tế chung bình thường. Việc ông mua lưới của bà T thì bà T2 cũng biết và cũng đồng ý cùng ông trả nợ cho bà T. Tuy nhiên, hiện nay ông vẫn chưa có tiền nên không thể trả cho bà T số tiền mua lưới ngư cụ còn thiếu 75.729.000đ (bảy mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn đồng) ngay được, ông xin thêm thời gian trả nợ cho bà T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 430, 440 của Bộ luật dân sự; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Võ Thị Thu T2 liên đới trả số tiền mua lưới ngư cụ còn thiếu 75.729.000đ (bảy mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn đồng), Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn C thừa nhận có việc mua lưới ngư cụ của bà Huỳnh Kim T và hiện còn thiếu bà T số tiền 75.729.000đ (bảy mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn đồng) chưa trả nên ông C mới lập giấy xác nhận nợ ngày 22/10/2018. Trong quá trình thực hiện việc mua bán thì ông C đã vi phạm không T toán hết số tiền mua lưới ngư cụ của bà T. Đồng thời, căn cứ vào biên bản xác minh ngày 14/01/2019 của Tòa án thì ông C và bà T2 chung sống với nhau cách nay 20 năm, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 18/8/2014 và hiện nay vẫn còn sống chung làm kinh tế chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 430, 440 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (75.729.000đ x 5%): 3.786.500đ (Bệu bảy trăm tám mươi sáu ngàn năm trăm đồng). Do yêu cầu của bà Huỳnh Kim T được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn C và bà Võ Thị Thu T2 phải liên đới nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440, 688 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim T. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Võ Thị Thu T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Kim T số tiền 75.729.000đ (bảy mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (75.729.000đ x 5%): 3.786.500đ (Bệu bảy trăm tám mươi sáu ngàn năm trăm đồng), buộc ông Nguyễn Văn C và bà Võ Thị Thu T2 có nghĩa vụ liên đới nộp.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.900.000đ (một triệu chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022074 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Vũ